

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 5 năm 2025
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Nguyễn T V, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp L, xã K, Huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần K D, sinh năm: 2003; Địa chỉ: Cầu 8 P, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Đỗ Nguyễn T V trình bày:

- Về hôn nhân: Vào tháng 01/4/2024 bà và ông Trần K D kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Duy hay đe dọa đánh bà, ông D không chung thủy. Nay bà xét thấy vợ chồng tiếp tục sống chung không đảm bảo hạnh phúc nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Trần K D

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, cụ thể: Bà V xác định vợ chồng có con chung tên Đỗ M K, sinh ngày 02/12/2024, hiện nay đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Các phần khác tại đơn khởi kiện vẫn giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Khánh Duy đã được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Đỗ Nguyễn T V và ông Trần K D kết hôn với nhau vào năm 2024, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Bà V xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, ông D thường hay đe dọa đánh bà, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không tôn trọng gia đình bên vợ, hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau. Bà V xác định tình cảm vợ chồng của bà đối với ông D không còn, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với ông Trần K D. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Nguyễn T V được ly hôn với ông Trần K D.

[3] Về con chung: Tại phiên toà, bà V xác định vợ chồng có con chung tên Đỗ Minh K, sinh ngày 02/12/2024, hiện nay đang sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện thì xác định không có con chung, tại giấy khai sinh của cháu Đỗ Minh K thì không có khai họ tên cha. Tại các văn bản Toà án tổng đạt cho ông Trần K D thể hiện con chung là không có, ông D không có ý kiến gửi Toà án đối với yêu cầu khởi kiện của bà V và ý kiến liên quan đến con chung, chưa đủ cơ sở để xem xét về trách nhiệm con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con. Bà V thống nhất không yêu cầu xem xét con chung trong vụ án này, khi nào có đầy đủ tài liệu chứng cứ để chứng minh về con chung thì sẽ yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết sau nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định không có; Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Nguyễn T V được ly hôn với ông Trần K D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Đỗ Nguyễn T V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ

thẩm 300.000 đồng. Ngày 18/3/2025 bà Vy đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0010504 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Khánh Hải, H.Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang

